

Vinh Lợi, ngày 31 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu C, sinh năm 2005 cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu D, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2012 cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục; (hiện cháu C đang sống chung với anh B, cháu D đang sống chung với chị A).

Chị A không trực tiếp nuôi cháu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh B không trực tiếp nuôi cháu D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không phải cấp dưỡng nuôi cháu C do anh B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu D do chị A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Chị A và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị A và anh B không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị A và anh B mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005093 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, đối trừ số tiền án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã X, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo